

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T,
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Văn phúc**

Bản án số: 36/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 15-6-2021
Về việc: “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Kiều Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Mai Thị Kim Hương.

Bà Trịnh Thị Lệ Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

Ngày 15 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An xét xử công khai vụ án thụ lý số 270/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2020 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thanh V**, sinh năm 1995.

Địa chỉ: A Ấp Thanh P, xã B, huyện T, tỉnh Long An

- Bị đơn: Ông **Trịnh Hoài M**, sinh năm 1994.

Địa chỉ: H Ấp N, xã Nhơn Thạnh T, thành phố T, tỉnh Long An.

(Bà Thanh V, ông M vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/10/2020 và các lời trình bày của bà Nguyễn Thị Thanh V có nội dung:

Bà quen biết và kết hôn với ông Trịnh Hoài M từ năm 2019 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Long An. Bà và ông M chung sống hạnh phúc một thời gian đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng mâu thuẫn về tình cảm, quan điểm, lối sống nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Bà đã về nhà mẹ ruột ở từ năm 2020 cho đến nay. Nay thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông M.

Về con chung: bà và ông M không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 20/4/2021, bà có văn bản đề nghị Tòa án xem xét cho bà được vắng mặt trong ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn, ông Trịnh Hoài M vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án:

Ông Trịnh Hoài M đã được Tòa án thực hiện việc niêm yết, tổng đạt giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông M không đến tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải do Tòa án tổ chức, không có văn bản thể hiện ý kiến của ông đối với yêu cầu ly hôn của bà V. Phiên tòa hôm nay, ông M cũng vắng mặt dù đã được tổng đạt giấy báo hợp lệ theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị Thanh V khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trịnh Hoài M có địa chỉ cư trú tại thành phố T nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Long An.

[2] Về việc xét xử vắng mặt Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thanh V, Bị đơn là ông Trịnh Hoài M: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết, tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập ông M đến các phiên tòa sơ thẩm nhưng ông M không chấp hành. Riêng bà V đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự là đúng theo quy định tại Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh V và ông Trịnh Hoài M tự tìm hiểu và kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Long An năm 2019 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo lời trình bày của bà V thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn về tình cảm, quan điểm, lối sống nên thường hay cãi vã, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Ông M được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, biết được việc bà V yêu cầu ly hôn với ông, ông không đồng ý ly hôn nhưng ông không đưa ra những biện pháp cụ thể để hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà V. Như vậy, chứng tỏ rằng trong cuộc sống vợ chồng giữa bà V và ông M đã có những mâu thuẫn không giải quyết được. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà V và ông M đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà V là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: bà V và ông M không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: bà V không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000đ theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thanh V, cho bà Nguyễn Thị Thanh V ly hôn với ông Trịnh Hoài M.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: bà Nguyễn Thị Thanh V phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Chuyển số tiền tạm ứng án phí bà V đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0004935 ngày 03/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An thành án phí dân sự sơ thẩm, bà V đã nộp đủ.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

***Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. T;
- Chi cục THA tp. T;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÂM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Kiều Trinh